

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Số: /CĐSPND

V/v Báo cáo các nội dung thực hiện các qui chế
công khai đối với các cơ sở giáo dục đại học theo
qui định tại Thông tư 09/2009/TT - BGDDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 11 tháng 1 năm 2010

Kính gửi: Bộ giáo dục và đào tạo

Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định xin báo cáo các nội dung thông
báo qui định tại Thông tư 09/2009/TT - BGDDT:

- Công khai cam kết chất lượng đào tạo theo biểu mẫu 20
- Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế giáo dục cao đẳng, năm học
2008 - 2009 theo biểu mẫu 21
- Công khai cơ sở vật chất của trường, năm 2010 theo biểu mẫu 22
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhà
trường, năm học 2009-2010 theo biểu mẫu 23
- Công khai về kế hoạch tài chính nhà trường, năm 2010 theo thông tư
09/2009/BGDDT

(Có các văn bản cụ thể của các nội dung thông báo công khai kèm theo).

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

Công khai cam kết chất lượng đào tạo theo biểu mẫu 20

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CĐSP NAM ĐỊNH

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường CĐSP Nam Định
năm học 2009 - 2010

STT	Nội dung	Chia theo các hệ đào tạo và các chuyên ngành đào tạo
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo (văn bản kèm theo)
II	Chương trình đào tạo mà cơ sở giáo dục thực hiện	Văn bản kèm theo
III	Yêu cầu về thái độ học tập của người học	ng nghiêm túc, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trên 80%
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ (văn bản kèm theo)
V	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)	Đầy đủ (văn bản kèm theo)
VI	Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đảm bảo theo qui định của BGDĐT
VII	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	Cụ thể trong văn bản kèm theo
VIII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ theo các ngành đào tạo	Ngành giáo dục và đào tạo ND

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

THÔNG TIN TUYỂN SINH 2009
Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định, mã tuyển sinh: C25

TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã quy ước (để làm máy tính trong TS	Khối thi quy ước	Chỉ tiêu tuyển sinh hệ CQ	Ghi chú
	Trường CĐSP Nam Định - Địa chỉ: 813, đường Trường Chinh, TP Nam Định - ĐT: 0350 3636 599 - Hệ cao đẳng	C25			350	- Trường CĐSP Nam Định không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học năm 2009 của những thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Nam Định đã thi các khối A,B,C,D ₁ ,N,H theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh
1	Sư phạm Toán		01	A	45	
2	Công nghệ thiết bị trường học (ngoài sư phạm)		02	A&B	40	
3	Sư phạm Tin		03	A	40	
4	Sư phạm Hoá - Sinh		04	B	35	
5	Sư phạm Âm nhạc		05	N	30	
6	Sư phạm Văn - Sử		06	C	45	
7	Sư phạm Tiếng Anh		07	D ₁	35	
8	Giáo dục Tiểu học		08	D ₁	45	
9	Sư phạm Mỹ thuật		09	H	30	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2009

A. Các ngành Cao đẳng chính quy

Ban hành theo QĐ số 421/ĐT, ngày 30/12/2008 của Hiệu trưởng trường CDSP Nam Định.

1. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán

1.1. Mục tiêu

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn Toán ở trường Trung học cơ sở.

- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, liên tục vươn lên để đáp ứng được những nhiệm vụ và yêu cầu mới của xã hội.

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo.

- Có sức khoẻ tốt để học tập và lao động theo quy định tại thông tư liên bộ Y tế - Đại học THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

1.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thiết bị trường học (ngoài sư phạm)

2.1. Mục tiêu

- Đào tạo kỹ thuật viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có năng lực chuyên môn tốt, thiết kế, chế tạo, bảo trì, bảo dưỡng và vận hành các thiết bị trong ngành giáo dục và đào tạo.

- Trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, về các thiết bị trường học, phương pháp thí nghiệm và các nguyên lý trong thí nghiệm vật lý, hoá học, sinh học...

- Sinh viên sau tốt nghiệp có thể làm giáo viên thực hành, làm kỹ thuật viên công nghệ thiết bị trường học tại các trường THCS, THPT. Các trường Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các trung tâm thiết bị giáo dục hoặc tại các cơ sở nghiên cứu và sản xuất thiết bị trường học.

2.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

2.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin

3.1. Mục tiêu

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn Tin ở trường Trung học cơ sở.

- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, liên tục vươn lên để đáp ứng được những nhiệm vụ và yêu cầu mới của xã hội.

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thể giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo.

- Có sức khoẻ tốt để học tập và lao động theo quy định tại thông tư liên bộ Y tế - Đại học THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

3.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hoá - Sinh

4.1. Mục tiêu

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn Hoá, Sinh ở trường Trung học cơ sở.

- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, liên tục vươn lên để đáp ứng được những nhiệm vụ và yêu cầu mới của xã hội.

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thể giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo.

- Có sức khoẻ tốt để học tập và lao động theo quy định tại thông tư liên bộ Y tế - Đại học THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

4.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc

5.1. Mục tiêu

- Có đầy đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn dạy học âm nhạc ở trường Trung học cơ sở.
- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu đổi mới của xã hội.
- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong xã hội mới đó là: yêu nghề - yêu người - có tri thức - có đạo đức của người thầy giáo.
- Có sức khỏe tốt để học tập và công tác

5.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

5.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Văn - Sử

6.1. Mục tiêu

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn Văn, Sử ở trường Trung học cơ sở.
- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được những nhiệm vụ và yêu cầu mới của xã hội.
- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo.
- Có sức khỏe tốt để học tập và lao động theo quy định tại thông tư liên bộ Y tế - Đại học THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

6.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh

7.1. Mục tiêu

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn Tiếng Anh ở trường Trung học cơ sở.
- Có năng lực tự học tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được những nhiệm vụ và yêu cầu mới của xã hội.
- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo.

- Có sức khoẻ tốt để học tập và lao động theo quy định tại thông tư liên bộ Y tế - Đại học THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

7.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

8.1. Mục tiêu

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của giáo dục Tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các giáo viên tiểu học được đào tạo phải có tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ, có năng lực dạy học, giáo dục theo yêu cầu của chuẩn giáo viên Tiểu học, có khả năng giảng dạy tốt chương trình tiểu học mới cũng như có khả năng đáp ứng được những thay đổi của giáo dục Tiểu học trong tương lai, có kỹ năng nghiên cứu, tự bồi dưỡng khoa học giáo dục.

8.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

8.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật

9.1. Mục tiêu

- Phẩm chất: Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam, thấm nhuần thể giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, yêu học sinh, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong của người thầy giáo. khắc phục những khó khăn trong cuộc sống và trong công tác, không ngừng học tập vươn lên tự hoàn thiện về đạo đức tư cách và chuyên môn nghiệp vụ.

- Năng lực chuyên môn: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên môn (lý thuyết và thực hành); có khả năng thực hành về chuyên môn và giải quyết tốt vấn đề thông thường thuộc về chuyên môn đào tạo; có kiến thức và khả năng nghiên cứu nghệ thuật truyền thống dân tộc; có khả năng hoạt động ngoại khoá bằng chuyên môn và không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới.

- Năng lực nghiệp vụ: Có khả năng vận dụng, phát huy vốn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành mỹ thuật vào công tác giảng dạy mỹ thuật ở THCS, đáp ứng yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp... dạy học ở trường THCS; nắm được mục tiêu, nội dung chương trình, sách giáo khoa mỹ thuật THCS và phương pháp dạy học, nhằm phát huy tính tích cực, phát triển năng

lực tự học, năng lực tự thực hành và cảm thụ thẩm mỹ của học sinh; nắm được phương pháp, kỹ năng đánh giá kết quả học tập và giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong thực tiễn dạy và học, có khả năng tiến hành nghiên cứu khoa học giáo dục thông qua chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

9.2. Thời gian đào tạo: 03 năm.

9.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. Các ngành Cao đẳng Vừa làm vừa học

1. Chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Mầm non

1.1. Mục tiêu

- Phẩm chất: Yêu nước, trung thành với tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; Yêu nghề, yêu trẻ, say mê tận tụy với công việc, có tinh thần trách nhiệm cao; Lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị; Có ý thức rèn luyện hoàn thiện nhân cách người giáo viên mầm non cho bản thân.

- Kiến thức: Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương, hệ thống kiến thức về khoa học giáo dục mầm non; Hiểu biết về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau, cả những trẻ có nhu cầu đặc biệt, các loại hình trường lớp mầm non.

- Kỹ năng: Giao tiếp với trẻ; Quan sát tìm hiểu đánh giá; Lập kế hoạch giáo dục trẻ; Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục; Lựa chọn và sử dụng những phương tiện dạy học thích hợp; Đánh giá hiệu quả giáo dục.

1.2. Thời gian đào tạo: 3 năm với đối tượng tốt nghiệp THPT; 1,5 năm với đối tượng từ Trung cấp sư phạm mầm non

1.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành theo quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

C. Các ngành Trung cấp chuyên nghiệp

1. Chương trình đào tạo Trung cấp sư phạm Tiểu học chính quy

Về phẩm chất:

- Phẩm chất chính trị: Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; là công dân tốt trong cộng đồng; trung thành với đường lối giáo dục của Đảng, biết vận dụng sáng tạo đường lối giáo dục của Đảng vào dạy học và giáo dục học sinh.

- Đạo đức nghề nghiệp:

+ Gần gũi, thương yêu học sinh; tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh, được học sinh tin yêu.

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho học sinh.

+ Yêu nghề dạy học và có tinh thần trách nhiệm trong công việc; đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp về các vấn đề chuyên

môn, nghiệp vụ; có ý thức rèn luyện năng lực giao tiếp, quan hệ tốt với cha mẹ học sinh và cộng đồng; có ý thức vận động cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục học sinh, thực hiện xã hội hoá giáo dục.

+ Có ý thức hoàn thiện bản thân, thường xuyên tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia đúc rút sáng kiến, kinh nghiệm giáo dục.

+ Có ý thức và thường xuyên rèn luyện sức khoẻ.

Về năng lực:

- Kiến thức chuyên môn:

+ Có kiến thức đại cương đủ rộng làm nền tảng giảng dạy ở tiểu học. Có kiến thức vững về các môn học để dạy được tất cả các khối, lớp học ở bậc tiểu học và có thể dạy các đối tượng học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, làm tốt công tác chủ nhiệm lớp;

+ Có hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình tiểu học, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập rèn luyện của học sinh ở toàn bậc tiểu học.

+ Nắm được yêu cầu và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.

- Kỹ năng sư phạm:

+ Có kỹ năng lập kế hoạch dạy học (từng năm học, từng học kì) theo chương trình môn học, xây dựng hồ sơ giảng dạy và giáo dục.

+ Có kỹ năng thiết kế bài giảng: biết xác định các yêu cầu, nội dung cơ bản của bài học, dự kiến các phương pháp và đồ dùng dạy học sẽ sử dụng; biết phân bố thời gian lên lớp và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với từng môn học và trình độ học sinh; biết bổ sung, hoàn thiện bài giảng.

+ Lựa chọn và sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học (PPDH) theo hướng phát huy tính tích cực và tương tác của học sinh, các phương tiện thiết bị dạy học thích hợp để đạt kết quả tốt.

+ Có kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

+ Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết, tự quản, có khả năng giáo dục học sinh cá biệt.

+ Có kỹ năng giao tiếp sư phạm.

Về thái độ:

Trên cơ sở có kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, học sinh tin tưởng sẽ làm tốt nghề dạy học ở tiểu học; có ý thức vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh, góp phần nâng cao chất lượng GDTH.

1.2. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo TCCN hệ chính quy ban hành theo QĐ số 40/2007/QĐ- BGD&ĐT, ngày 01/08/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

2. Chương trình đào tạo Trung cấp sư phạm mầm non chính quy

1.1. Mục tiêu

- Phẩm chất: Yêu nước, trung thành với tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; Yêu nghề, yêu trẻ, say mê tận tụy với công việc, có tinh thần trách nhiệm cao; Lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị; Có ý thức rèn luyện hoàn thiện nhân cách người giáo viên mầm non và vươn lên trình độ đào tạo cao hơn.

- Kiến thức: Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương, hệ thống kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để vận dụng vào thực tế giáo dục mầm non ở trường phổ thông; Hiểu biết về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau, cả những trẻ có nhu cầu đặc biệt, các loại hình trường lớp mầm non.

- Kỹ năng: Giao tiếp với trẻ; Quan sát tìm hiểu đánh giá; Lập kế hoạch giáo dục trẻ; Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục; Tổ chức và quản lý các hoạt động của nhóm và lớp mầm non; Lựa chọn và sử dụng những phương tiện dạy học thích hợp; Đánh giá hiệu quả giáo dục.

1.2. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.3. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ban hành theo quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế giáo dục cao đẳng, năm học 2008 - 2009 theo biểu mẫu 21.

UBND TỈNH NAM ĐỊNH

TRƯỜNG CĐSP NAM ĐỊNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của CĐSP Nam Định,

năm học 2008- 2009

STT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Số sinh viên đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp học chuyên tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá			
I	Tổng số									
II	Đại học, cao đẳng									
1	Hệ chính quy	2009		298		39	229		~ 80 %	
a	Chương trình đại trà									
1	Chuyên ngành Sư phạm Toán					8	22			
2	Chuyên ngành Sư phạm Lý - Công nghệ					2	33			
3	Chuyên ngành Sư phạm Tin					0	25			
4	Chuyên ngành Sư phạm Sinh - Công nghệ					5	16			
5	Chuyên ngành Sư phạm Giáo dục thể chất					3	18			
6	Chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn					4	29			
7	Chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật					3	13			
8	Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc					3	19			
9	Chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh					1	21			
10	Chuyên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học					10	28			
B	Chương trình tiên tiến									
...	Chuyên ngành...									
c	Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh									
...	Chuyên ngành...									
d	Chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài									
...	Chuyên ngành...									
2	Cử tuyển									
...	Chuyên ngành...									
...	...									
3	Hệ vừa làm vừa học (Hệ tại chức cũ)									
...	Chuyên ngành...									

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

Hiệu trưởng

Biểu 22

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CĐSP NAM ĐỊNH**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của CĐSP Nam Định,
ngành sư phạm, năm học 2009 - 2010**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	3,1755
II	Số cơ sở đào tạo	cơ sở	1
III	Diện tích xây dựng	m ²	5,637
IV	Giảng đường/phòng học		
1	Số phòng học	phòng	42
2	Diện tích	m ²	2607
V	Diện tích hội trường	m ²	250
VI	Phòng máy tính		4
1	Diện tích	m ²	158
2	Số máy tính sử dụng được	máy tính	140
3	Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	140
VII	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	phòng	1
2	Diện tích	m ²	79
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sx)	Thiết bị	1 phòng đa năng
VIII	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	1700
2	Số đầu sách	quyển	4717
IX	Phòng thí nghiệm		4
1	Diện tích	m ²	340
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	4 phòng TN, thiết bị Đức
X	Xưởng thực tập, thực hành		3
1	Diện tích	m ²	150
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	TB cơ điện, xưởng điều khắc, giá vẽ, TB cơ khí
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
1	Số sinh viên ở trong KTX	sinh viên	400
2	Diện tích	m ²	3795
3	Số phòng	phòng	80
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /SV	8
XII	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m ²	180
XII	Diện tích nhà văn hóa	m ²	100
XIII	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	1064
XIV	Diện tích bể bơi	m ²	
XV	Diện tích sân vận động	m ²	15000

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

Biểu 23

UBND TỈNH NAM ĐỊNH TRƯỜNG CĐSP NAM ĐỊNH

THÔNG BÁO Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của CĐSP Nam Định, năm học 2009 - 2010

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Chức danh		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác		
	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	167	167				2	45	93	5	18		
I	Giảng viên												
1	Khoa Tự nhiên	30						9	25		1		
2	Khoa Xã hội	11						4	5				
3	Khoa Tiểu học - Mầm non	8						4	6				
4	Khoa Bồi dưỡng QLGD	2						1	2				
5	Bộ môn Âm nhạc - Mĩ thuật	6							8				
6	Bộ môn Lí luận Chính trị	8						1	9				
7	Bộ môn Thể dục - Quân sự	8							10				
8	Bộ môn Tâm lí - Giáo dục	7						6	3				
II	Cán bộ quản lý và nhân viên												
1	Hiệu trưởng	1					1						
2	Phó Hiệu trưởng	2						2					
3	Khoa, phòng, ban, viện, trung tâm....	28					1	18	35				
4	Nhân viên	56								5	17		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

Công khai về kế hoạch tài chính nhà trường, năm 2010 theo thông tư 09/2009/BGDĐT.

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CBSP NAM ĐỊNH

DỰ TOÁN THỰC HIỆN THU, CHI NĂM 2009

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mục	Nội dung	Dự toán 2009
A		Thu, chi thường xuyên	
I		Ngân sách cấp	
II		Thu sự nghiệp(tính đến 8/2008)	1.358.902.000
1	2503	Số phí, lệ phí được để lại chi theo quy định	382.118.000
2		Thu hoạt động dịch vụ	892.002.000
3		Thu tiền Ký túc xá	74.282.000
4		Thu sự nghiệp khác	10.500.000
III		Chi thường xuyên	1.858.902.000
1		Chi thường xuyên TH nhiệm vụ được giao	10.500.000.000
a		Chi thanh toán cho cá nhân	7.424.000.000
	6000	Cộng lương chính	3.715.000.000
	6001	Lương theo ngạch bậc	3.665.000.000
	6003	Lương hợp đồng dài hạn	30.000.000
		Lương hợp đồng ngắn hạn	20.000.000
	6050	Công hợp đồng	60.000.000
	6100	Phụ cấp	1.950.000.000
	6101	Phụ cấp chức vụ	130.000.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	2.600.000
	6106	Phụ cấp làm thêm giờ	450.000.000
	6107	Phụ cấp độc hại	8.400.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi của ngành	1.240.000.000
	6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung	95.000.000
	6118	Phụ cấp kiêm nhiệm	24.000.000
	6150	Học bổng sinh viên	220.000.000
	6153	Học bổng sinh viên	200.000.000
		Trợ cấp xã hội	20.000.000
	6200	Tiền thưởng	50.000.000
	6201	Thưởng thường xuyên	41.000.000

	6202	Thưởng đột xuất	5.000.000
	6249	Thưởng khác	4.000.000
	6250	Phúc lợi tập thể	35.000.000
	6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm	15.000.000
	6299	Các khoản khác	20.000.000
	6300	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	754.000.000
	6301	Nộp bảo hiểm xã hội	600.000.000
	6302	Nộp bảo hiểm y tế	77.000.000
	6303	Kinh phí công đoàn	77.000.000
	6400	Thanh toán khác cho cá nhân	640.000.000
	6404	Chi hỗ trợ giảng dạy	320.000.000
	6449	Lương tăng thêm(dự kiến 1 tháng)	320.000.000
b		Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.379.000.000
	6500	T.toán dịch vụ công cộng	306.000.000
	6501	Thanh toán tiền điện	140.000.000
	6502	Thanh toán tiền nước	85.000.000
	6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	75.000.000
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	6.000.000
	6505	Thanh toán khoản phương tiện theo chế độ	6.000.000
	6550	Vật tư văn phòng	135.000.000
	6551	Văn phòng phẩm	50.000.000
	6552	Mua dụng cụ văn phòng	20.000.000
	6553	Khoản văn phòng phẩm	25.000.000
	6599	Vật tư văn phòng khác	40.000.000
	6600	Thông tin liên lạc	165.000.000
	6601	Cước phí điện thoại	45.000.000
	6603	Cước phí bưu chính	2.000.000
	6606	Tuyên truyền	30.000.000
	6612	Sách báo, tạp chí th viện	50.000.000
	6615	Thuê bao đường điện thoại	
	6616	Thuê bao cáp truyền hình	7.000.000
	6617	Cước phí internet	15.000.000
	6618	Khoản điện thoại	6.000.000

	6649	Khác	10.000.000
	6650	Hội nghị	8.000.000
	6700	Công tác phí	275.000.000
	6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	55.000.000
	6702	Phụ cấp công tác phí	70.000.000
	6703	Tiền thuê phòng nghỉ	115.000.000
	6704	Tiền khoán công tác phí	35.000.000
	6750	Chi phí thuê mướn	210.000.000
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	150.000.000
	6757	Thuê lao động trong nước	25.000.000
	6754	Thuê thiết bị các loại	15.000.000
	6756	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	5.000.000
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	15.000.000
	6800	Chi đoàn ra	100.000.000
	6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	520.000.000
	7000	Chi nghiệp vụ, chuyên môn	660.000.000
c		Chi mua sắm thiết bị và TSCĐ	411.000.000
	9000	Mua TSCĐ vô hình	
	9050	Mua TSCĐ hữu hình	411.000.000
d		Các khoản chi thường xuyên khác	286.000.000
	7750	Chi khác	286.000.000
3		Ước chi hoạt động dịch vụ, thu phí	1.358.902.000
III		Chênh lệch đề nghị NSNN cấp(I-II)	10.500.000.000
B		Chi NSNN không thường xuyên	2.700.000.000
4		Chi TH chương trình mục tiêu quốc gia	2.700.000.000
		- Tăng cường cơ sở vật chất trường sư phạm	2.000.000.000
		- Đào tạo lại cán bộ viên chức	700.000.000

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

Hiệu trưởng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại	Khoản	Mục	Nội dung	Thực hiện 2009	Dự toán năm 2010
			Tổng số	14.262	15.319
490	501		Chi thường xuyên	11.087	12.019
			Thanh toán cho cá nhân	8.282	9.222
		6000	Lương chính	4.253	4.610
		6050	Công hợp đồng	65	70
		6100	Phụ cấp	2.320	2.300
		6150	Học bổng SV	219	300
		6200	Tiền thưởng	74	100
		6250	Phúc lợi tập thể	38	42
		6300	Đóng BHXH, YT, KPCĐ	866	950
		6400	Thanh toán khác cho cá nhân	447	850
			Các khoản chi NV chuyên môn	2.565	2.527
		6500	T.toán dịch vụ công cộng	276	300
		6550	Vật tư văn phòng	336	250
		6600	Thông tin liên lạc	142	160
		6650	Hội nghị	6	10
		6700	Công tác phí	307	250
		6750	Chi phí thuê mướn	357	360
		6800	Chi đoàn ra		
		6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	418	350
		7000	Chi nghiệp vụ, chuyên môn	723	847
			Các khoản chi thường xuyên khác	240	270
		7750	Chi khác	225	250

		7850	Chi cho công tác Đảng	15	20
			Chi không thường xuyên	603	500
			Mua sắm tài sản cố định	603	500
		9000	Mua tài sản vô hình	0	150
		9050	Mua tài sản cố định hữu hình	603	350
			Chương trình mục tiêu quốc gia	2700	2.800
			Tăng cường cơ sở vật chất	2000	2.500
			Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ QLGD	700	300

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH
Hiệu trưởng

KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH

**V/v: Chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng và
quyết toán các nguồn kinh phí 2 năm 2007 - 2008
tại Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định**

Quyết định số 739/STC - KLTTTr ngày 16 tháng 7 năm 2009.

Chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí 2 năm 2007 - 2008 tại Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định:

- Chi đúng, chi có hiệu quả.
- Quản lý thu chi thực hiện theo quy định tại quyết định số 19/2006 QĐ-BTC.

QUY ĐỊNH

(V/v thu và sử dụng kinh phí đào tạo các lớp không chính quy)

- Căn cứ thông liên tịch số 46/2001/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2001 của liên Bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quản lý thu, chi học phí đối với hoạt động đào tạo theo phương thức không chính quy trong các trường và cơ sở đào tạo công lập.

- Căn cứ vào Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của UBND Tỉnh Nam Định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2007-2009 cho trường CĐSP Nam Định.

- Căn cứ vào thực tế của địa phương và kết luận tại hội nghị gồm Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo, Khoa học công nghệ, Tài vụ và trưởng các khoa, tổ chuyên môn trực thuộc.

- Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định quy định mức thu kinh phí đào tạo các lớp không chính quy tuyển sinh năm 2009 cụ thể như sau:

Kinh phí đào tạo không chính quy thu 10 tháng/năm, hệ Cao đẳng sư phạm thời gian đào tạo 3 năm, hệ Trung cấp sư phạm đào tạo 2 năm.

Mức thu kinh phí đào tạo cho các hệ được kê ở bảng sau:

Hệ đào tạo	Học phí 1 tháng
Trung cấp sư phạm	135.000đ/tháng
Cao đẳng sư phạm Mầm non	150.000đ/tháng
Cao đẳng sư phạm Tiểu học	150.000đ/tháng
Cao đẳng sư phạm Âm nhạc	200.000đ/tháng
Cao đẳng sư phạm Mỹ thuật	200.000đ/tháng
Cao đẳng sư phạm Giáo dục thể chất	170.000đ/tháng

Kinh phí trên chưa tính chi phí đi thực tập sư phạm và đi lại, lưu trú của giảng viên đối với lớp học ở xa trụ sở của trường. Với những lớp có dưới 50 học viên, tùy từng trường hợp Nhà trường sẽ thông báo tới sinh viên.

Việc sử dụng kinh phí thu được Nhà trường thực hiện theo đúng tinh thần thông tư số 46/2001/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 20/ 6/2001 của liên Bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận: Các đơn vị liên quan
Lưu HC-QT, KHTC,ĐT

HIỆU TRƯỞNG